TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **33/**2021/HSST
Ngày: 27/01/2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu H1;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Thành;
2. Bà Nghiêm Thị Xuân Huê.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Cao Thị Mỹ Trà, cán bộ Toà án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Nhật Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 206/2020/HSST ngày 18 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Trần Minh T, sinh ngày 17/5/1979 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; giới tính: Nam; Thường trú: 340 B, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở hiện nay: Không nơi cư trú nhất định; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; con ông Trần Văn B, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1954; Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1984; Có 01 con sinh năm 2004;

Tiền án: 01. Ngày 11/02/2019, bị bắt về hành vi trộm cắp tài sản. Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 112/2019/HS-ST ngày 08/8/2019, chấp hành xong bản án, chưa xóa án tích.

Bị cáo bị bắt và tạm giam từ ngày 02/10/2020 đến nay (có mặt).

Người tham gia tố tụng khác:

- Bị hại:

Bà Nguyễn Thị Bảo N, sinh năm 1999 (vắng mặt)
Địa chỉ: 127 H, Phường B, Quận MM, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông Phan Hồng Q, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: 154/4 N, Phường ML, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1979 (vắng mặt)
Địa chỉ: 516/5 NK, Phường H, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bà Phan Thị Thu H1, sinh năm 1982 (vắng mặt)
Địa chỉ: 318 L3, lô C, chung cư H, Phường MM, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 06 giờ 40 phút ngày 08/6/2020 tại trước số 120 T, Phường MH, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh, Trần Minh T được D (chưa rõ lai lịch) điều khiển xe mô tô Honda Wave biển kiểm soát 67E1-072.XX chở T đi tìm người có tài sản để sơ hở để lén lút chiếm đoạt thì T bị Công an Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh bắt giữ; riêng, D trốn thoát. Từ lời khai của T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 5 đã thu hồi 01 xe mô tô hiệu Honda Airblade biển kiểm soát 66P1-959.xx, 01 xe mô tô Honda Vision biển kiểm soát 72D1-072.xx; T khai do T và D lén lút chiếm đoạt tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh mà có. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh đã bàn giao các vật chứng trên cho Cơ quan Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 giải quyết theo thẩm quyền.

Do cần tiền tiêu xài, T được D rủ đi tìm người có tài sản để sơ hở để lén lút chiếm đoạt; T và D đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng đầu tháng 5/2020 (không nhớ ngày), T được D điều khiển xe mô tô Honda Wave biển kiểm soát 67E1-072.XXđến trước số 28B1/1 Ng, phường B, Quận M, D phát hiện xe mô tô Honda Vision biển kiểm soát 59U1-290.xx của chị Nguyễn Thị Bảo N không có người trông coi nên chỉ T; T dùng đoản bẻ khóa xe rồi nổ máy xe cùng D tẩu thoát. Khi đến cầu Chánh Hưng, Phường 9, Quận 8, T phát hiện 01 túi nylon màu đen bên trong có 02 biển kiểm soát 72D1-072.xx và 66P1-959.xx; T lấy biển kiểm soát 72D1-072.xx gắn vào xe mô tô của chị Ngọc, còn biển kiểm soát 59U1-290.xx T bỏ vào thùng rác; riêng, biển kiểm soát 66P1-959.xx T đưa D cất giữ. Do thiếu tiền của một tiệm bắn cá tại Quận 11 (không rõ địa chỉ), T để xe mô tô của chị Ngọc tại tiệm. Vào ngày 26/5/2020, T nhờ "Bé ghẻ" (chưa rõ lai lịch) đem xe mô tô của chị Ngọc đến tiệm cầm đồ Bích V, số 402 A, Phường M, Quận S cầm được 3.000.000 đồng, T cho "Bé ghẻ" 500.000 đồng, trả tiền thiếu tiệm bắn cá 800.000 đồng, còn 1.700.000 đồng thì T và D chia đôi, đã tiêu xài hết.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 08 giờ 30 phút ngày 06/6/2020, T được D điều khiển xe mô tô Honda Wave biển kiểm soát 67E1-072.XXchở T đến trước số 27-29 H, phường B, Quận M, D phát hiện xe mô tô Honda Airblade biển kiểm soát 59F1-258.xx của anh Nguyễn Văn Đ không có người trông coi, chìa khóa xe treo trên móc treo đồ nên chỉ T; T lấy chìa khóa mở khóa rồi nổ máy xe cùng

D tẩu thoát. T để xe mô tô của anh Đ tại tiệm bắn cá, Quận 11 rồi D điều khiển xe mô tô chở T về. Đến khoảng 08 giờ ngày 07/6/2020, D thay biển kiểm soát 66P1-959.xx mà T nhặt được gắn vào xe mô tô Honda Airblade của anh Đ rồi chở T đến gửi xe tại chung cư số 481 B, Phường 9, Quận 8 sau đó D và T đi về.

Theo bản Kết luận định giá tài sản số 116/KL-HĐĐGTS ngày 04/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân Quận 1 kết luận: 01 xe mô tô hiệu Honda Airblade trị giá 16.750.000 đồng.

Theo bản Kết luận định giá tài sản số 158/KL-HĐĐGTS ngày 07/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân Quận 1 kết luận: 01 xe mô tô hiệu Honda Vision trị giá 13.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, Trần Minh T khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên, lời khai của T phù hợp với biên bản ghi nhận sự việc, các biên bản thực nghiệm điều tra, biên bản xác định địa điểm, kết luận định giá tài sản, xác nhận của T đối với các vật chứng, lời khai của các bị hại cùng các tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra thu thập.

Vật chứng vụ án:

- 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Airblade có số khung: Y-2888XX, số máy: JF27E-10949XX, đã trả lại cho bị hại Nguyễn Văn Đ.

- 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Vision có số khung: RLHJF330XCY1144XX, số máy: JF33E01145XX, đã trả lại cho chủ sở hữu là anh Phan Hồng Q.

- 01 (một) biên nhận giữ xe số 000403 lập ngày 26/5/2020 của tiệm cầm đồ Bích V, số 402 An D, Phường M, Quận S.

- 01 (một) bản photo căn cước công dân tên Phan Thị Thu H1, qua xác minh hiện không rõ H1 đang ở đâu, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 đã thông báo, đăng báo truy tìm H1 nhưng chưa có kết quả.

Các vật chứng còn lại được lưu kèm hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Văn Đ, chị Nguyễn Thị Bảo N, anh Phan Hồng Q không có yêu cầu gì về dân sự.

Tại bản cáo trạng số 211/CT-VKSQ1 ngày 11 tháng 12 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Trần Minh T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên tòa kết luận bị cáo Trần Minh T đã phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Sau khi phân tích hành vi phạm tội của bị cáo, xét bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội từ hai lần trở lên và tái phạm theo quy định tại các điểm g, h khoản 1 Điều 52 và được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tài sản đã kịp thời thu hồi trả lại cho bị

hại, thành khẩn khai báo ăn năn hối cải quy định tại các điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo T từ 02 năm đến 03 năm tù. Buộc bị cáo nộp số tiền thu lợi bất chính 3.000.000 đồng.

Đối với đối tượng D và bé Ghẻ cơ quan cảnh sát điều tra cần tiếp tục điều tra làm rõ, khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với vật chứng của vụ án, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 đề nghị: Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án 01 (một) biên nhận giữ xe số 000403 lập ngày 26/5/2020 của tiệm cầm đồ Bích V, số 402 A, Phường M, Quận S và 01 (một) bản photo căn cước công dân tên Phan Thị Thu H1.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô hiệu Honda Vision biển kiểm soát 59U1-290.xx của chị Nguyễn Thị Bảo N và 01 xe mô tô Honda Airblade biển kiểm soát 59F1-258.xx của anh Nguyễn Văn Đ, tổng trị giá tài sản là 29.750.000 đồng (Căn cứ theo bản Kết luận định giá tài sản số 116/KL-HĐĐGTS ngày 04/7/2020 và bản Kết luận định giá tài sản số 158/KL-HĐĐGTS ngày 07/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân Quận 1), đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đây là vụ án có đồng phạm, trong đó D là người chủ mưu, rủ rê T phạm tội, T là người trực tiếp lén lút lấy xe mô tô Honda Vision biển kiểm soát 59U1-290.xx và xe mô tô Honda Airblade biển kiểm soát 59F1-258.xx.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương, gây hoang mang, lo lắng trong nhân dân. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai trái nhưng vì động cơ tư lợi cá nhân, muốn có tiền tiêu xài cho bản thân mà không phải lao động nên vẫn cố tình thực hiện, bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị xử phạt về tội "Trộm cắp tài sản" chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục phạm tội "Trộm cắp tài sản" thuộc trường hợp phạm tội từ 02 lần trở lên; tái phạm quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, cần có mức án nghiêm khắc mới có tác dụng răn đe đối với bản thân bị cáo và phòng ngừa

chung đối với xã hội.

Tuy nhiên quá trình điều tra và tại phiên tòa, nhận thấy bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản đã kịp thời thu hồi trả lại người bị hại, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại quy định tại các điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

Đối với đối tượng D và bé Ghẻ cơ quan cảnh sát điều tra cần tiếp tục điều tra làm rõ, khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau.

[3]. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự: Buộc bị cáo nộp ngân sách Nhà nước số tiền 3.000.000 đồng là tiền do thực hiện hành vi phạm tội mà có.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về dân sự nên không xem xét giải quyết.

[5]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án 01 (một) biên nhận giữ xe số 000403 lập ngày 26/5/2020 của tiệm cầm đồ Bích V, số 402 A, Phường M, Quận S và 01 (một) bản photo căn cước công dân tên Phan Thị Thu H1;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Minh T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt Trần Minh T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 02/10/2020.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự: Buộc bị cáo nộp ngân sách nhà nước số tiền 3.000.000 đồng.

- Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án 01 (một) biên nhận giữ xe số 000403 lập ngày 26/5/2020 của tiệm cầm đồ Bích V, số 402 A, Phường M, Quận S và 01 (một) bản photo căn cước công dân tên Phan Thị Thu H1;

- Áp dụng Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Trần Minh T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Áp dụng các Điều 331; 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15

(mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Công an TP.HCM (PC 53 - Đ3);
- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Sở Tư pháp TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1;
- Công an Quận 1;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1;
- Thi hành án hình sự Quận 1;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu H1